

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014



MỤC LỤC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH TÀI KHOẢN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 tháng 2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2014	Tại ngày 01/01/2014
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100		17,932,980,681	18,311,294,418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,686,030,414	5,290,216,468
1. Tiền	111	V.01	386,030,414	4,436,556,746
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,300,000,000	853,659,722
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	6,058,651,620	5,343,109,300
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6,100,297,920	5,384,755,600
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(41,646,300)	(41,646,300)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10,173,169,704	7,629,612,160
2. Trả trước cho người bán	132		40,950,000	68,450,000
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		188,049,750	111,915,973
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	9,944,169,954	7,449,246,187
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15,128,943	48,356,490
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14,106,188	27,356,490
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,022,755	21,000,000
B - Tài sản dài hạn (200= 210+220+250+260)	200		7,470,716,755	7,531,931,833
II. Tài sản cố định	220		633,890,787	692,163,840
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	633,890,787	692,163,840
- Nguyên giá	222		1,722,547,249	1,722,547,249
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,088,656,462)	(1,030,383,409)
- Nguyên giá	228		100,058,635	100,058,635
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(100,058,635)	(100,058,635)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	6,811,936,000	6,811,936,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6,436,936,000	6,436,936,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		375,000,000	375,000,000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		24,889,968	27,831,993
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		24,889,968	27,831,993
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		25,403,697,436	25,843,226,251
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		579,949,217	572,274,938
I. Nợ ngắn hạn	310		179,949,217	172,274,938
3. Người mua trả tiền trước	313		133,000,000	133,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	31,738,069	34,432,117
5. Phải trả người lao động	315			1,431,818
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	15,211,148	3,411,003
II. Nợ dài hạn	330		400,000,000	400,000,000
3. Phải trả dài hạn khác	333		400,000,000	400,000,000
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		24,823,748,219	25,270,951,313
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(176,251,781)	270,951,313
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		25,403,697,436	25,843,226,251

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 tháng 2014

(Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2014	Tại ngày 01/01/2014
1	2	3	4	5
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		488,600,000	412,900,000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		488,600,000	372,900,000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011			40,000,000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		2,050,000,000	2,050,000,000
8. Tiền gửi của Nhà đầu tư ủy thác	030		804,708,223	14,027,497,019
- Tiền gửi của Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		804,708,223	14,027,497,019
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		243,926,400,053	102,255,966,129
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		243,926,400,053	102,255,966,129
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050			730,822,500
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		269,301,856	880,359,383

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Diệp Anh

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2014

Tổng Giám đốc



Phạm Sĩ Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu	01	VI.08	76,134,232	50,797,592
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		76,134,232	50,797,592
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp của HĐKD (20 = 10 - 11)	20		76,134,232	50,797,592
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		264,162,322	252,864,171
7. Chi phí tài chính	22		2,150,666	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		785,371,751	718,362,649
9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(447,225,863)	(414,700,886)
10. Thu nhập khác	31		22,769	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		22,769	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	(447,203,094)	(414,700,886)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	51			
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(447,203,094)	(414,700,886)
17. Lãi trên cổ phiếu	61			

Lập, ngày 17 tháng 4 năm 2014

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Diệp Anh

Nguyễn Thị Diệp Anh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		455	37,224,499
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(155,948,966)	(125,262,171)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(489,317,508)	(429,360,123)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6,912,724)	(18,790,819)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,021,448,775	66,355,226
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3,531,920,920)	(2,410,625,498)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3,162,650,888)	(2,880,458,886)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,566,342,806)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		848,649,820	2,040,000,000
7. Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		276,157,820	84,165,972
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(441,535,166)	2,124,165,972
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3,604,186,054)	(756,292,914)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5,290,216,468	9,298,706,985
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.35	1,686,030,414	8,542,414,071


Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Diệp Anh

Lập, ngày 17 tháng 4 năm 2014

Tổng Giám đốc





Phạm Sĩ Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 28/UBCK-GP ngày 25/01/2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Tầng 2 - Số 141 Lê Duẩn - Hà Nội
Tel: (84-4) 3941 0715 Fax: (84-4) 3941 0716

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: **25.000.000.000 VND** (Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).
Trương đương với 2.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Các cổ đông sáng lập góp vốn mua cổ phần của Công ty và đến ngày 31/03/2014 đã hoàn thành 100%.

2. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh:

Theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 28/UBCK-GP ngày 25/01/2008 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng tiền Việt Nam (VND).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc theo tỷ giá giao dịch liên ngân hàng công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Hệ thống kế toán của Công ty được thiết lập trên cơ sở tuân thủ Chế độ Kế toán Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán:

Công ty cũng áp dụng và tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành và có hiệu lực cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan trong việc lập và trình bày Báo cáo Tài Chính.

Báo cáo Tài chính Quý 1 năm 2014 được lập và trình bày tuân thủ các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 " Trình bày báo cáo tài chính" và Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực cho kể từ ngày 01/01/2012.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung *khv*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 năm 2014

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Việc lập Báo cáo tài chính năm 2014, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán cho Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số: 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài Chính.

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (kỳ hạn và không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn:

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác.

Phương pháp tính trị giá vốn chứng khoán tự doanh, uỷ thác đầu tư bán ra: Bình quân gia quyền động đối với cổ phiếu và Phương pháp đích danh đối với trái phiếu.

3. Phương pháp ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ HH mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Máy móc, thiết bị	03
- Phương tiện vận tải	07

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Phần mềm kế toán Hansa World

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. *ĐML*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 năm 2014

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao là 3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây nếu phát sinh trong kỳ kế toán nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Các khoản chi phí trả trước cho tác dụng trong nhiều kỳ kinh doanh.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ tối đa là 03 (ba) năm hoặc 24 (hai mươi tư) tháng.

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thỏa thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

+ Doanh thu quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ký kết, các điều khoản của hợp đồng được các bên thực hiện và nhà ủy thác đầu tư thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Doanh thu ủy thác đầu tư được ghi nhận khi hợp đồng và các điều khoản của hợp đồng ủy thác được cam kết thực hiện, bên nhận ủy thác thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

+ Doanh thu tài chính

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi Công ty nhận được bằng chứng về giao dịch chứng khoán thành công và được phản ánh theo giá trị thu về tăng thêm so với giá vốn của chứng khoán đầu tư đem bán.

Doanh thu từ các khoản tiền gửi kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng được ghi nhận theo tháng căn cứ trên các điều khoản của Hợp đồng tiền gửi, không phân biệt khoản tiền gửi đó đã đến thời gian hay chưa đến thời gian đáo hạn Hợp đồng.

Doanh thu từ các hoạt động tài chính khác được ghi nhận tại thời điểm phát sinh doanh thu. *MLV*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 năm 2014

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

6. Thuế và các khoản thanh toán ngân sách

+ Thuế giá trị gia tăng

Theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Nghị định số 209/2013/T-BTC ngày 18/12/2013 của Chính Phủ thì các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của Công ty thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam. *Thh*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 năm 2014

V. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:	Số đầu kỳ tại	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối kỳ tại
	ngày 01/01/2014	trong kỳ	trong kỳ	ngày 31/03/2014
	VND	VND	VND	VND
Tiền mặt	30,396,653	299,455,006	51,458,691	278,392,968
Tiền gửi ngân hàng	4,406,160,093	4,573,461,586	8,871,984,233	107,637,446
+ Tiền	4,436,556,746	4,872,916,592	8,923,442,924	386,030,414
+ Các khoản tương đương tiền (*)	853,659,722	1,411,076,226	964,735,948	1,300,000,000
Tổng cộng	5,290,216,468	6,283,992,818	9,888,178,872	1,686,030,414

(*): Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn khác:	Số đầu kỳ tại	Mua	Bán	Số cuối kỳ tại
	ngày 01/01/2014			ngày 31/03/2014
	VND	VND	VND	VND
1. Đầu tư chứng khoán niêm yết				
- Cổ phiếu:	3,484,755,600	1,564,192,140	848,649,820	4,200,297,920
+ Công ty CP Sữa Việt Nam	1,000,146,300	452,673,540	-	1,452,819,840
+ Công ty CP Nhựa Bình Minh	797,942,700	82,113,900	-	880,056,600
+ Công ty CP Dược Hậu Giang	498,895,800		106,823,120	392,072,680
+ Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	896,188,800		-	896,188,800
+ Công ty CP Khoan và DV khoan Dầu khí	243,486,000	548,845,500	213,171,500	579,160,000
+ Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	48,096,000		48,096,000	-
+ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	-	480,559,200	480,559,200	-
2. Đầu tư ngắn hạn khác	1,900,000,000	-	-	1,900,000,000
+ Tiền gửi ngân hàng TPB kỳ hạn 12 tháng	1,900,000,000	-	-	1,900,000,000
Tổng cộng	5,384,755,600	1,564,192,140	848,649,820	6,100,297,920

3. Dự phòng giảm giá chứng khoán trích lập tại ngày 31/12/2013: 41.646.300 cho cổ phiếu Công ty CP Sữa Việt Nam (VNM)

4. Các khoản phải thu khác:	Tại ngày	Tại ngày
	01/01/2014	31/03/2014
	VND	VND
+ Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	37,302,457	25,306,959
+ Phải thu mua, bán chứng khoán	7,265,900,000	9,773,374,929
- Công ty CP Đầu tư và Quản lý BĐS Việt Nam	1,600,000,000	1,600,000,000
- Công ty CP Tư vấn Quản lý và Giải pháp Doanh nghiệp	2,124,600,000	2,124,600,000
- Công ty CP Giải pháp Quản lý Doanh nghiệp Việt Nam	3,541,300,000	3,541,300,000
- Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	-	2,507,474,929
+ Phải thu phí từ các Hợp đồng	77,801,425	77,801,425
+ Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng	65,445,692	65,445,692
+ Phải thu khác	2,796,613	2,240,949
Tổng cộng	7,449,246,187	9,944,169,954

Thh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2014

V. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

	Thiết bị quản lý	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	169,467,449	1,553,079,800	1,722,547,249
Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/03/2014	<u>169,467,449</u>	<u>1,553,079,800</u>	<u>1,722,547,249</u>
GIÁ TRỊ ĐÃ HAO MÒN			
Tại ngày 01/01/2014	(158,243,793)	(872,139,616)	(1,030,383,409)
- Tăng trong kỳ	(2,805,918)	(55,467,135)	(58,273,053)
- Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/03/2014	<u>(161,049,711)</u>	<u>(927,606,751)</u>	<u>(1,088,656,462)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	11,223,656	680,940,184	692,163,840
Tại ngày 31/03/2014	<u>8,417,738</u>	<u>625,473,049</u>	<u>633,890,787</u>

11. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/03/2014 là "Phần mềm kế toán" có nguyên giá là 100.058.035 đồng và đã trích đủ khấu hao.

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

	Số đầu kỳ tại ngày 01/01/2014	Giá trị mua	Giá trị bán	Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2014
	VND	VND	VND	VND
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	6,436,936,000	-	-	6,436,936,000
- Cổ phiếu:	-	-	-	-
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Trí Việt	1,163,640,000	-	-	1,163,640,000
+ Công ty CP Phần Mềm Việt Quốc Tế	5,273,296,000	-	-	5,273,296,000
2. Đầu tư dài hạn khác	375,000,000	-	-	375,000,000
+ Công ty CP Đầu tư Nhà đất Đông Dương	375,000,000	-	-	375,000,000
+ Tiền gửi kỳ hạn tại các ngân hàng	-	-	-	-
Tổng cộng	<u>6,811,936,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6,811,936,000</u>

Handwritten signature

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2014

V. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

14. Các khoản phải trả	Số đầu kỳ tại	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối kỳ tại
	ngày 01/01/2014	trong kỳ	trong kỳ	ngày 31/03/2014
	VND	VND	VND	VND
14.1. Nợ ngắn hạn	172,274,938	629,489,473	621,815,194	179,949,217
+ Phải trả cho người bán	-	66,234,133	66,234,133	-
+ Người mua trả tiền trước	133,000,000	-	-	133,000,000
+ Thuế và các khoản phải nộp NN	34,432,117	27,771,570	30,465,618	31,738,069
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	13,879,223	-	6,912,724	6,966,499
- Thuế Thu nhập cá nhân	20,552,894	24,771,570	20,552,894	24,771,570
- Thuế Môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
+ Phải trả nhân viên	1,431,818	500,083,335	501,515,153	-
+ Phải trả, phải nộp khác	3,411,003	35,400,435	23,600,290	15,211,148
14.2. Nợ dài hạn khác	400,000,000	-	-	400,000,000
+ Nợ phải trả dài hạn khác	400,000,000	-	-	400,000,000
Tổng cộng:	572,274,938	629,489,473	621,815,194	579,949,217

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Diệp Anh

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2014
 Tổng Giám đốc

 Phạm Sĩ Hải